

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 02/4/2021  
V/v: “Ly hôn, Tranh chấp về  
nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Trọng Căn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

2. Bà Trần Bích Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế:**  
Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (địa chỉ: 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Đức H, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Số 43 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 43 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/11/2020, bản tự khai ngày 11/01/2021, trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Đức H trình bày: ông và bà Hồ Thị H sau thời gian quen biết, tìm hiểu nhau được 03 tháng rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H vào ngày 15/01/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ông tại số nhà 43 đường T, phường P, thành phố H. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống mỗi người trái ngược nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng cùng chung sống trong cùng một nhà, nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai biết bổn phận người đó. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên ông gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Hồ Thị H có hai con chung là cháu Võ Thị Minh A, sinh ngày 15/11/1999 và cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004; hiện nay cả hai cháu đang ở với ông và bà Hồ Thị H. Nay ly hôn ông đồng ý giao cháu Võ Thiên H cho bà H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Ông tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Võ Thiên H mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn cháu Võ Thị Minh Á đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Quá trình chung sống ông và bà Hồ Thị H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12/01/2021, bị đơn Hồ Thị H trình bày: Về quá trình tìm hiểu cũng như đi đến hôn nhân bà thống nhất như phần trình bày của ông Võ Đức H. Sau khi kết hôn vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ nhau. Nay ông Võ Đức H có đơn xin ly hôn với bà thì bà không đồng ý, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng do bà thương con cái, nên bà không đồng ý ly hôn với ông Võ Đức H.

\* Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Võ Đức H có hai con chung là cháu Võ Thị Minh A, sinh ngày 15/11/1999 và cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004; hiện nay cả hai cháu đang ở với bà. Nếu ly hôn thì bà có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Võ Thiên H và yêu cầu ông Võ Đức H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Võ Thiên H mỗi tháng 1.500.000 đồng, cho đến lúc cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn cháu Võ Thị Minh Á đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông Võ Đức H không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Võ Đức H cho ông Võ Đức H được ly hôn với bà Hồ Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 05/11/2004 cho bà Hồ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Võ Đức H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Võ Thiên H mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ ngày bản

án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Võ Thiên H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Còn cháu Võ Thị Minh A đã trưởng thành, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H vợ chồng tự thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về nợ chung: Quá trình chung sống ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H không có nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Võ Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Võ Đức H là người cao tuổi, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, thì ông Võ Đức H được miễn toàn bộ án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về tố tụng: Bà Hồ Thị H là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H sau thời gian tìm hiểu được 03 tháng rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 15/01/1999, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống trái ngược nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, bà H cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì thương con cái nên bà không muốn ly hôn với ông Võ Đức H. Hội đồng xét xử xét thấy đã có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Võ Đức H, cho ông Võ Đức H được ly hôn với bà Hồ Thị H.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Võ Thị Minh A, sinh ngày 15/11/1999 và cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004; hiện nay cả hai cháu đang ở với ông H bà H. Nay ly hôn ông Võ Đức H đồng ý giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004 cho bà Hồ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Ông H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Võ Thiên H mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Võ Thiên H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét việc ông H tự nguyện giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng; cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Nên cần giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004 cho bà Hồ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và buộc ông Võ Đức H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004 mỗi tháng 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực

pháp luật cho đến khi cháu Võ Thiên H trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Ông Võ Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Võ Đức H là người cao tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Võ Đức H được miễn toàn bộ án phí.

- Hoàn trả lại cho ông Võ Đức H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Võ Đức H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002086 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Võ Đức H được ly hôn với bà Hồ Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004 cho bà Hồ Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; buộc ông Võ Đức H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Võ Thiên H, sinh ngày 15/11/2004 mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Võ Thiên H trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Võ Đức H và bà Hồ Thị H không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Ông Võ Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Võ Đức H là người cao tuổi, nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Võ Đức H được miễn toàn bộ án phí.

- Hoàn trả lại cho ông Võ Đức H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Võ Đức H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002086 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường P, thành phố H, (Ông H, bà H, ĐKKH số: 01, Quyền số: 01/99, ngày 15/01/1999);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Huỳnh Trọng Cẩn**



